

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2020/DS-PT

Ngày 27 - 11 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuận

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2020/TLPT-DS, ngày 05/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 218/2020/QĐ-PT, ngày 03/11/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; trụ sở: Đường H1, phường C, quận B, Thủ đô Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức A, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Đình D, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh T; địa chỉ: Thôn T1, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2020); Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H; trú tại: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Cùng có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Hữu L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2019 (Nhận đơn ngày 30/12/2019) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Ngày 14/12/2017, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H có vay của Ngân hàng N số tiền 1.500.000.000 đồng; lãi suất 8,5%/năm; lãi suất quá hạn 12,75%/năm; lãi suất chậm trả 10%/năm; mục đích vay để chăm sóc cà phê, trồng tiêu, kéo điện ba pha, làm lò sấy, mua đồ dùng sinh hoạt; thời hạn vay đến ngày 13/12/2018.

Ngày 17/5/2018, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H tiếp tục vay của Ngân hàng N số tiền 200.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm; lãi suất quá hạn 15,75%/năm; lãi suất chậm trả 10%/năm; mục đích vay để chăm sóc cà phê, kéo điện ba pha, làm lò sấy, mua đồ dùng sinh hoạt; thời hạn vay đến ngày 13/12/2018.

Để đảm bảo khoản vay, ông L và bà H có thể chấp cho Ngân hàng N giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các thửa đất: Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 01, diện tích 10.370m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 617231 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 10/01/2012 cho ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H; thửa đất số 06, tờ bản đồ số 01, diện tích 9.690m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P033794 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 30/11/2000 cho hộ ông Nguyễn Hữu L. Hai thửa đất trên đều tọa lạc tại xã P, huyện K.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L, bà H đã trả được 200.000.000 đồng tiền gốc và 64.840.296 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 10/8/2020, ông L, bà H còn nợ số tiền 1.841.070.814 đồng, trong đó gồm 1.500.000.000 đồng tiền gốc và 341.070.814 đồng tiền lãi. Do ông L, bà H không trả cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền trên và xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông L, bà H thống nhất với Ngân hàng N về quá trình vay, số tiền đã trả và số tiền còn nợ lại như Ngân hàng đã trình bày. Do làm ăn thua lỗ nên ông bà xin trả thành nhiều đợt. Sau khi trả xong nợ ông bà yêu cầu Ngân hàng trả lại tài sản mà ông bà đã thế chấp. Trường hợp ông bà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông bà đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST, ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 385, 398, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền 1.841.070.814 đồng, trong đó gồm 1.500.000.000 đồng tiền gốc và 341.070.814 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 10/8/2020.

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H trả xong nợ.

Sau khi ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H trả xong nợ, Ngân hàng N phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 617231, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 10/01/2012 cho ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P033794 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 30/11/2000 cho ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H. Trường hợp ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Về án phí: Ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H phải chịu 67.232.124 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N 32.577.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002834, ngày 06/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 22/8/2020, bị đơn ông Nguyễn Hữu L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Ông L, bà H chỉ vay của Ngân hàng N Chi nhánh T số tiền 1.500.000.000 đồng chứ không phải 1.700.000.000 đồng; đề nghị xem xét lại mức lãi suất và việc tính toán tiền lãi có đúng không; Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải ông L không tham gia là không đúng, vì ông L đi làm xa ở biên giới không có thông tin gì nên không thể có mặt làm việc tại Tòa án; ông L và bà H vay vốn của Ngân hàng để trồng tiêu nhưng bị dịch bệnh nên tiêu chết hết chứ không phải kinh doanh thua lỗ, đề nghị Ngân hàng cho ông bà thời gian 12 tháng để xoay sở trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng N giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Hữu L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự – Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Giữa Ngân hàng N và bị đơn ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H ký kết với nhau 02 Hợp đồng tín dụng ngày 14/12/2017 và ngày 17/5/2018 chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là không đúng mà phải xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L:

[2.1] Về kháng cáo cho rằng từ đầu đến cuối ông L, bà H chỉ vay của Ngân hàng N số tiền gốc 1.500.000.000 đồng chứ không phải 1.700.000.000 đồng tiền gốc, đồng thời đã trả số tiền lãi 64.840.296 đồng của số nợ gốc 1.500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Hợp đồng tín dụng ngày 14/12/2017, ông L và bà H vay của Ngân hàng số tiền gốc 1.500.000.000 đồng và tại Hợp đồng tín dụng ngày 17/5/2018 ông L, bà H vay tiếp của Ngân hàng số tiền gốc 200.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc ông L, bà H vay của Ngân hàng 02 đợt là 1.700.000.000 đồng. Tại bản tự khai (Bút lục 47), bà H cũng thừa nhận có vay của Ngân hàng 02 đợt với số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và 200.000.000 đồng. Sau đó ông L, bà H trả được 200.000.000 đồng tiền gốc nên còn nợ lại 1.500.000.000 đồng tiền gốc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, bà H đều thừa nhận chữ ký, chữ viết tại phần “Đại diện bên B” trong 02 Hợp đồng tín dụng nói trên là do ông bà ký và viết ra. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, khi ký vào hợp đồng ông L, bà H có đầy đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự. Do đó, kháng cáo này của ông L không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về kháng cáo đề nghị xem xét lại mức lãi suất và việc tính toán tiền lãi, HĐXX xét thấy: Tại Hợp đồng tín dụng ngày 14/12/2017 với số tiền vay 1.500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất cụ thể: Lãi suất 8,5%/năm; lãi

suất quá hạn 12,75%/năm; lãi suất chậm trả 10%/năm; thời hạn vay đến ngày 13/12/2018. Tại Hợp đồng tín dụng ngày 17/5/2018 với số tiền vay 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất cụ thể: Lãi suất 10,5%/năm; lãi suất quá hạn 15,75%/năm; lãi suất chậm trả 10%/năm; thời hạn vay đến ngày 13/12/2018. Như vậy, mức lãi suất bản án sơ thẩm áp dụng để tính lãi đối với khoản nợ của ông L, bà H là đúng theo nội dung thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng với ông L, bà H và phù hợp quy định pháp luật. Như vậy, bản án sơ thẩm tuyên buộc ông L, bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 1.841.070.814 đồng, trong đó gồm 1.500.000.000 đồng tiền gốc và 341.070.814 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/8/2020, là đã tính toán chính xác.

[2.3] Về kháng cáo cho rằng trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải ông L không tham gia là không đúng, vì ông L đi làm xa ở biên giới không có thông tin gì nên không thể có mặt làm việc tại Tòa án, thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành mở phiên hòa giải 04 lần, bà H nhận thay các văn bản tố tụng và cam kết giao lại tận tay cho ông L, riêng đối với phiên hòa giải lần thứ 04 Tòa án đã tổng đạt trực tiếp cho ông L Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 137/2020/TB-TA ngày 25/6/2020 (BL 80), nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do tại cả 04 phiên hòa giải. Do đó, ông L kháng cáo cho rằng mình không biết về việc Tòa án triệu tập ông tham gia các phiên hòa giải là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về kháng cáo cho rằng ông L, bà H vay vốn của Ngân hàng để trồng tiêu nhưng bị dịch bệnh nên tiêu chết hết chứ không phải kinh doanh thua lỗ, đề nghị Ngân hàng cho ông bà thời gian 12 tháng để xoay sở trả nợ cho Ngân hàng:

Đến hạn trả nợ, ông L, bà H không trả nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm hợp đồng, do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà H trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng N không đồng ý thỏa thuận việc cho ông L, bà H thời hạn 12 tháng để trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đề nghị này của ông L.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST, ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền 1.841.070.814 đồng, trong đó gồm 1.500.000.000 đồng tiền gốc và 341.070.814 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 10/8/2020.

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H trả xong nợ.

Sau khi ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H trả xong nợ, Ngân hàng N phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 617231 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 10/01/2012 cho ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P033794 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 30/11/2000 cho ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H. Trường hợp ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H phải chịu 67.232.124 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N 32.577.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002834 ngày 06/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự K, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009318 ngày 03/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn